

PHỤ LỤC

(Biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện một số nội dung
lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Cà Mau dành cho các đơn vị trường học được
chọn khảo sát)

**Ban hành kèm theo Đề cương báo cáo tại Kế hoạch số .../KH-HĐND
ngày .../9/2025 của Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh**

Biểu mẫu 1. Tình hình lớp và học sinh

Năm học	Tổng số lớp	Tổng số HS	Bình quân HS/lớp	HS dân tộc thiểu số	HS có hoàn cảnh khó khăn	HS khuyết tật hòa nhập	HS bỏ học	HS chuyển trường	So sánh biến động so với năm trước (%)	Ghi chú
2024-2025	16	530	33,12	74	14	2	0	3	-10,9%	
2025-2026 (đầu năm)	16	536	33.5	77	12	5	0	10	1,1%	

Biểu mẫu 2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Năm học	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Tỷ lệ GV đạt chuẩn (%)	Tỷ lệ GV trên chuẩn (%)	Thừa (+) / Thiếu (-) so với chỉ tiêu được giao	Thừa (+) / Thiếu (-) so với định mức Bộ GD&ĐT	Ghi chú (thiếu/thừa môn nào, vị trí nào)
2024-2025	2	25	1	100				
2025-2026 (đầu năm)	2	26	1	100				Thừa 01 GV môn chung; Thiếu 01 GV Tiếng Anh

Biểu mẫu 3. Các khoản thu dịch vụ ngoài học phí

3.1. Theo Nghị quyết HĐND tỉnh (Cà Mau cũ và Bạc Liêu cũ)

Năm học	Danh mục khoản thu	Số tiền thu/học sinh/năm	Tổng số thu (triệu đồng)	Phương thức thu	Công khai, minh bạch (Có/Không)	Miễn giảm (số HS, số tiền)	Thuận lợi/Khó khăn	Ghi chú
2024-2025								
2025-2026 (đầu năm học)								

3.2. Theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT và Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT

Nội dung	Tổng số tiền thu được (triệu đồng)	Tổng chi (triệu đồng)	Nguồn vận động (phụ huynh, doanh nghiệp, cộng đồng)	Công khai tài chính (Có/Không)	Thuận lợi	Khó khăn	Ghi chú
Hoạt động Ban đại diện CMHS							
Vận động, tài trợ, đóng góp							

Biểu mẫu 4. Trang thiết bị, cơ sở vật chất

Nội dung	Tổng số	Đạt chuẩn (%)	Chưa đạt chuẩn (%)	Tình trạng (tốt/xuống cấp)	Nhu cầu bổ sung	Ghi chú
Phòng học kiên cố	16	56.25	43.75	Xuống cấp	Xây mới	
Phòng học bán kiên cố						

Phòng bộ môn						
Thư viện	1	100				
Phòng chức năng						
Nhà vệ sinh	2	100				
Bếp ăn bán trú						
Sân chơi, bãi tập						
Trang thiết bị tối thiểu (theo CT GDPT 2018)	1 (lớp 1, 2)					
Thiết bị CNTT, phòng máy tính Nội dung khác.....	3				22	

Biểu mẫu 5. Dạy thêm, học thêm (TT 29/2024/TT-BGDĐT)

Năm học	Số lớp	Số HS tham gia	Số GV tham gia	Kinh phí (triệu đồng)	Đánh giá thuận lợi	Khó khăn	Ghi chú
2024-2025							
2025-2026 (dự kiến)							